TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐP** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 12 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Việt Cường

Bà Nguyễn Thị Chiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị B (tên thường gọi là A), sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 2317CT2A, Khu đô thị TTĐ, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 2317CT2A, Khu đô thị TTĐ, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày của nguyên đơn là chị Đặng Thị B thì: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã NL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13 tháng 01 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên uống rượu và sau khi uống rượu thì đều không kiểm soát được lời nói, việc làm. Thời gian đó, anh Đ làm nghề lái xe đường dài, thường phải đi làm xa nhà nhiều ngày và đã phát sinh quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác nhưng lại có suy nghĩ nghi ngờ chị cũng không chung thủy. Vì thế, anh Đ thường xuyên nhắn tin nhục mạ hoặc gọi điện chửi mắng, xúc phạm chị dù không có căn cứ gì. Đến tháng 11 năm 2019, anh Đ nghỉ lái xe đường dài, về xin

việc làm gần nhà, sáng đi tối về nhưng vẫn thường xuyên uống rượu và sau khi uống vẫn không kiềm chế được bản thân. Nhiều lần trong cơn say anh Đ đã đánh đập chị thâm tím mặt mày làm cho chị ngày hôm sau đi làm vô cùng xấu hổ với đồng nghiệp. Khi tỉnh rượu, anh Đ lại xin lỗi, hứa sửa chữa và bỏ rượu nhưng chỉ được một vài hôm lại không nhịn được và tiếp tục uống. Mỗi lần uống không nhiều nhưng lần nào sau khi uống vợ chồng cũng gây gổ với nhau cứ như vậy kéo dài nhiều năm liền. Các con của chị thường xuyên phải chứng kiến cảnh bạo lực gia đình giữa bố, mẹ. Chị không muốn tiếp tục duy trì tình trạng vợ chồng sống không có hạnh phúc như vậy, ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Đặng Thị B và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Tú A sinh ngày 21/5/2008 và cháu Nguyễn Phúc L sinh ngày 14/9/2013. Hiện tại, do vợ chồng chưa được giải quyết ly hôn nên chị chưa dám dọn ra ngoài ở riêng và vẫn chăm sóc cả hai con. Nếu vợ chồng ly hôn, chị B xin được nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Tú A và Nguyễn Phúc L và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức với hai bên gia đình: Theo chị Nguyễn Thị B thì vợ chồng chị không có tài sản gì chung với nhau nên chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án thông báo cho biết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử anh Đ đều không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến, đề nghị của anh đối với các yêu cầu khởi kiện. Tòa án cũng đã triệu tập anh Đ nhiều lần, thông báo cho anh Đ đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Đ.

Tại phiên tòa: Chị Đặng Thị B vẫn giữ nguyên các yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ và đề nghị giải quyết về quyền nuôi con chung khi ly hôn.

Anh Nguyễn Văn Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị B, xử cho chị Đặng Thị B ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Phúc L cho chị B nuôi và giao cháu Nguyễn Tú A cho anh Đ nuôi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị B trình bày vợ chồng không có tài sản nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Đặng Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Đặng Thị B có đơn khởi kiện ly hôn, giải quyết về quyền nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Anh Đ có nơi cư trú tại xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên hòa giải nhưng các đương sự không đoàn tụ và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện ĐP quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Toà án xét xử vắng mặt anh Đ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Đặng Thị B và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị B thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thích uống rượu và không kiềm chế được bản thân sau khi uống rượu. Anh Đ có suy nghĩ nghi ngờ chị không chung thủy cộng với việc không kiềm chế được cảm xúc nên thường xúc phạm có khi còn đánh đập chị. Vợ chồng chị đã trao đổi với nhau để giải quyết mâu thuẫn và nhiều lần anh Đ đều hứa bỏ uống rượu vợ chồng không tiếp tục xúc phạm nhau nhưng đều không có kết quả.

Thực hiện các quy trình tố tụng, trên cơ sở lời trình bày của chị B, Toà án đã thông báo cho anh Đ đến để làm việc, gửi cho anh Đ các văn bản tố tụng, mở các phiên hoà giải để tạo cho anh chị có thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng anh Đ đều không đến Toà án để làm việc. Điều đó cho thấy, anh Đ không thực sự tích cực trong việc cứu vãn tình trạng mâu thuẫn vợ chồng cũng như mong muốn hàn gắn tình cảm với chị B. Việc anh Đ trốn tránh không chấp hành nội dung các giấy triệu tập và thông báo của Tòa án cho thấy anh Đ đang né tránh, không muốn đối diện vấn đề mâu thuẫn của vợ chồng, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ việc của Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng tình trạng hôn nhân của anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị B được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Đặng Thị B và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Tú A sinh ngày 21/5/2008 và cháu Nguyễn Phúc L sinh ngày 14/9/2013. Khi ly hôn, chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Tòa án cũng đã ghi lời khai của cháu Nguyễn Tú A và cháu Nguyễn Phúc L, cả hai cháu đều trình bày nếu bố, mẹ các cháu ly hôn thì các cháu muốn được ở cùng với mẹ.

Quá trình chuẩn bị xét xử, anh Nguyễn Văn Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về nguyện vọng của anh đối với quyền nuôi con khi vợ chồng anh, chị ly hôn.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha, mẹ đã được pháp luật quy định. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Bản thân chị B cũng thừa nhận, trong cuộc sống mặc dù anh Đ đối xử với chị không tốt nhưng đối với các con đều rất yêu quý. Sau khi chị gửi đơn và Tòa án có giấy triệu tập anh Đ đến làm việc thì mặc dù anh Đ không sắp xếp thời gian đến Tòa nhưng anh Đ có nói với chị là xin Tòa cho anh được nuôi cháu L để cháu Tú A ở với chị.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị B có công việc và thu nhập ổn định nhưng mức thu nhập của chị B nếu để phục vụ cho cuộc sống bao gồm tiền thuê nhà, tiền sinh hoạt hàng ngày của chị và nuôi cả hai con ăn học sẽ là khó khăn đồng thời một mình chị B cáng đáng việc chăm sóc cả hai con là vất vả. Do đó, để chia sẻ trách nhiệm của chị B và anh Đ đối với việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Tú A và Nguyễn Phúc L nên mặc dù cả cháu Tú A và cháu L đều có mong muốn được ở với chị B nhưng để đảm bảo cho quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phúc L, giao cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Tú A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị B và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị B trình bày anh, chị không có tài sản chung và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đặng Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị B (tên thường gọi là A) và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị B và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Tú A sinh ngày 21/5/2008 và cháu Nguyễn Phúc L sinh ngày 14/9/2013.

Giao cháu Nguyễn Tú A sinh ngày 21/5/2008 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi; giao cháu Nguyễn Phúc L sinh ngày 14/9/2013 cho chị Đặng Thị B nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị Đặng Thị B và anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002895 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện ĐP, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện ĐP, TP. Hà Nội;
- UBND xã NL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa (số GCNKH 08/2007 quyển số 01 ngày 13/01/2007)
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà